

**KIẾN THỨC TRỌNG TÂM MÔN NGỮ VĂN 11**  
**BÀI 1: TỰ TÌNH II – HỒ XUÂN HƯƠNG**

**PHẦN 1: KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**I/ Tìm hiểu chung**

**1. Tác giả:**

- HXH là một trong những nữ sĩ tài hoa, có phong cách thơ độc đáo trong nền VHTĐVN. Bà còn được mệnh danh là bà chúa thơ Nôm.
- Thơ của bà là tiếng lòng cất lên từ chính cuộc đời đầy éo le ngang trái của mình và cũng là số phận đầy cay đắng, tủi hờn của người phụ nữ trong XH cũ.

**2. Tác phẩm**

- xuất xứ: - *Tự tình II* nằm trong chùm 3 bài cùng tên của HXH.
- Nhan đề: Tự tình là tự bộc lộ tâm tình.
- Thể loại và bố cục:
  - + Thơ thất ngôn bát cú Đường luật.
  - + 4 phần chia theo thể loại (Đề - thực-luận-kết)
- Nội dung: Bài thơ thể hiện nỗi cô đơn, buồn tủi trước cuộc đời và tình duyên không trọn vẹn, dở dang của nữ sĩ. Qua đó bộc lộ niềm khát khao về tình yêu hạnh phúc của nhà thơ.

**II. Tìm hiểu chi tiết**

**1. Hai câu đề:**

Tình cảnh cô đơn, tâm trạng buồn tủi, bẽ bàng của người phụ nữ nói chung và cuộc đời éo le ngang trái của Hồ Xuân Hương nói riêng được thể hiện qua thời gian “đêm khuya”, âm thanh “trống canh dồn” và nỗi niềm “trơ” – trơ trọi “với nước non” của “cái hồng nhan”.

**2. Hai câu thực:**

- **Tình cảnh:** mượn rượu giải sầu -> “Say lại tỉnh” -> gọi sự tù túng quẩn quanh, bế tắc.
- Hình ảnh : vàng trắng – xé, khuyết, chưa tròn -> ẩn dụ cho sự không trọn vẹn. Trăng Soi chiếu vào thân phận con người, tuổi xuân sắp qua mà tình duyên dang dở
- => Nỗi xót xa cay đắng cho thân phận lỡ làng, dở dang của người phụ nữ tài hoa.

**3. Hai câu luận:**

Tác giả mượn hình ảnh: rêu, đá qua NT đảo ngữ, kết hợp dùng động từ mạnh xiên, đâm; nhịp thơ chuyển từ 2/2/3 -> 4/3 nhanh mạnh hơn; phép đối: mặt đất /chân mây -> Thể hiện trạng thái bướng bỉnh không cam chịu muốn phản kháng của sự vật. Qua đó bộc lộ tâm trạng phẫn uất, muốn được bút phá, được giải thoát khỏi khổ đau, bất hạnh. Đó cũng chính là cá tính mạnh mẽ, sự ý thức về cái tôi cá nhân sâu sắc của nhà thơ dù trong mọi hoàn cảnh vẫn luôn muốn khẳng định mình.

**4. Hai câu kết:**

- Quy luật tạo hóa vô tình: mùa xuân tuần hoàn nhưng tuổi xuân một đi không trở lại.
- Câu cuối: nghệ thuật tăng tiến theo chiều giảm dần-> làm tăng nghịch cảnh éo le
- ↔ Bi kịch duyên phận – nỗi lòng của người phụ nữ trong xã hội xưa -> Khát vọng mãnh liệt về hạnh phúc lứa đôi.

**III. Tổng kết**

1. Nghệ thuật: Sử dụng từ ngữ độc đáo, sắc nhọn, tả cảnh sinh động, đưa ngôn ngữ đời thường vào thơ ca.
2. Ý nghĩa văn bản: Bài thơ đã thể hiện được bản lĩnh Hồ Xuân Hương qua tâm trạng đầy bi kịch: vừa buồn tủi, phẫn uất trước tình cảnh éo le, vừa cháy bỏng khao khát được sống hạnh phúc.

**Phần 2: LUYỆN ĐỀ**

Đề: Tâm sự của Hồ Xuân Hương trong bài “Tự tình” (Bài II).

1. Mở bài:

- Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm.
- Nêu luận đề (trích dẫn thơ).

2. Thân bài: Triển khai vấn đề:

- Khái quát chung về vấn đề cần bàn luận.
- Cảm nhận, phân tích: bám sát hệ thống ngôn từ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản để làm nổi bật tâm sự của nữ sĩ trong từng cặp câu:
  - + Đêm khuya cô đơn;
  - + Buồn tủi về duyên phận hẩm hiu;
  - + Phẫn kháng trước cuộc đời.
  - + Khát vọng hạnh phúc lứa đôi.
- Nài lòng giaù chung và mở rộng liên hệ

3. Kết bài:

- Khẳng định giá trị nội dung, nghệ thuật,
- Cảm nhận riêng của bản thân.

**BÀI 2**

**CÂU CÁ MÙA THU – NGUYỄN KHUYẾN**

**PHẦN 1: KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**I/ Tìm hiểu chung**

**1. Tác giả:**

- Sinh 1835 – 1909, sinh ở quê mẹ ở Ý Yên Nam Định, nhưng lớn lên sống ở quê cha (Làng Yên Đổ, Lục Bình Hà Nam).
- Ông xuất thân trong một gia đình nhà nho nghèo, từ bé nổi tiếng là một người học giỏi.
- Năm 1864 đỗ đầu kì thi Hương. 1871 đỗ liên tiếp kì thi Hội , Đình.
- > Được gọi với cái tên Tam Nguyên Yên Đổ, được vua Tự Đức ban cờ biển.
- Tính cách: nổi tiếng là người thanh liêm, chính trực, luôn gần gũi với nhân dân thấu hiểu tâm tình của họ, luôn giữ tâm hồn trong sạch.

**2. Tác phẩm:**

- Xuất xứ: bài thơ nằm trong chùm 3 bài thơ thu (Thu vịnh, Thu điếu, Thu ẩm).
- Thể loại và bố cục:
  - + Thể thơ thất ngôn bát cú ĐL
  - + Chia theo thể loại: 4 phần (đề - thực –luận –kết) hoặc theo nội dung: 2 phần (cảnh thu/tình thu)
- Bài thơ là những cảm nhận tinh tế về cảnh sắc mùa thu ở đồng bằng Bắc Bộ, đồng thời cho thấy tình yêu thiên nhiên, đất nước và tâm trạng thời thế của nhà thơ.

**II/ Tìm hiểu chi tiết**

**a. Cảnh thu**

- Điểm nhìn: gần→ xa →cao →gần.
- Cảnh vật:
  - + Hình ảnh: ao, thuyền câu, ngõ trúc→quen thuộc.

## TRƯỜNG THCS & THPT LÊ LỢI

- + Khí thu: lạnh lẽo.
- + Sắc thu: bao trùm màu xanh dịu nhẹ, điểm tô thêm màu vàng của lá.
- + Đường nét, âm thanh: sóng-hơi gợn; lá-khẽ đưa vèo; mây-lơ lửng; tiếng cá-đớp động chân bèo.
- Nghệ thuật lấy động tả tĩnh: cảnh vật chuyển động khẽ, nhẹ, không đủ tạo âm thanh làm btr thu yên ả, tĩnh mịch hơn.
- ↔ Bằng vài nét chấm phá, cảnh thu hiện lên rất đẹp nhưng tĩnh lặng và đượm buồn → đặc trưng làng cảnh Bắc Bộ.

### **b. Tình thu**

- Một tấm lòng gắn bó thiết tha với quê hương, làng cảnh VN, một cõi lòng sâu lắng, cô quạnh.
- Một tình yêu quê hương đất nước sâu nặng, thâm kín nhưng không kém phần sâu sắc.

### **III/ Tổng kết**

#### **1. Nghệ thuật:**

- Ngôn ngữ giản dị, gần gũi, tinh tế.
- Gieo vần “eo” rất tài tình.
- Nghệ thuật lấy động tả tĩnh; lấy điểm tả diện độc đáo.

**2. Ý nghĩa văn bản:** hiện lên vẻ đẹp của bức tranh mùa thu, tình yêu thiên nhiên đất nước và tâm trạng thời thế của tác giả.

### **PHẦN 2: LUYỆN ĐỀ**

*Đề ra:* Cảm nhận của anh/chị về bài thơ “Câu ca mùa thu”

#### **1. Mở bài:**

- Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm.
- Nêu luận đề (trích dẫn thơ).

#### **2. Thân bài:** Triển khai vấn đề:

- Khái quát chung về vấn đề cần bàn luận.
- cảm nhận, phân tích: bám sát hệ thống ngôn từ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản để làm nổi bật:

- + Điểm nhìn để miêu tả cảnh thu;
- + Bức tranh mùa thu;
- + Tình thu.

- Đánh giá chung và mở rộng liên hệ

#### **3. Kết bài:**

- Khẳng định giá trị nội dung, nghệ thuật,
- Cảm nhận riêng của bản thân.

### **BÀI 3**

### **THƯƠNG VỢ - TRẦN TẾ XƯƠNG**

### **PHẦN 1: KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

#### **I/ Tìm hiểu chung**

**1. Tác giả:** Tú Xương là nhà thơ hiện thực trào phúng xuất sắc của nền văn học Việt Nam cuối thế kỉ XIX đồng thời cũng là tác giả của những vần thơ trữ tình đậm chất, thiết tha.

#### **2. Tác phẩm:**

- Đề tài: viết về người vợ

- Thể loại và bố cục:
- + Thể thơ thất ngôn bát cú ĐL
- + Bố cục chia theo thể loại: 4 phần (đề - thực – luận – kết) hoặc theo nội dung: 2 phần (Hình ảnh người vợ - bà Tú/Nỗi lòng ông Tú)
- Bài thơ đã khắc họa chân dung bà Tú vất vả đảm đang, giàu đức hi sinh và bộc lộ sự cảm thông, lòng yêu thương trân trọng ngợi ca người vợ của nhà thơ.

### **II/ Tìm hiểu chi tiết**

#### **1. Hình ảnh bà Tú qua nỗi lòng thương vợ của ông Tú**

- *Câu 1-2*: qua công việc “buôn bán”, thời gian làm việc “quanh năm”, không gian làm việc ở “mom sông” và mục đích là để “nuôi đủ năm con-một chồng” bà Tú hiện lên là người vất vả, chịu thương chịu khó, đảm đang và tháo vát.
- *Câu 3-4*: qua hình ảnh “thân cò” → ẩn dụ chỉ thân phận vất vả, tần tảo sớm hôm, lam lũ đến tội nghiệp. Cảnh làm ăn phải “lặn lội”; “eo sèo” ở những nơi “quãng vắng” > < “đò đồng” → càng nhấn mạnh sự vất vả, nguy hiểm và lam lũ...qua đó cho thấy thái độ đồng cảm, yêu thương, biết ơn và nể trọng bà Tú.
- ⇔ Bà Tú hiện lên thật nhỏ bé, cô quạnh đến xót xa.
- \**Câu 5-6*: qua việc vận dụng sáng tạo thành công thành ngữ “Một duyên hai nợ”, “Năm nắng mười mưa”, bà Tú hiện lên đức tính chịu thương, chịu khó, thảo hiền, đầy vị tha và hi sinh rất mực.

#### **2. Tấm lòng và nhân cách ông Tú**

- Yêu thương, quý trọng và tri ân vợ: Thấu hiểu nỗi vất vả, tần tảo, quán xuyến của vợ, tri ân công lao của người vợ.
- Nhân cách: Tự trách mình là gánh nặng, món nợ đời; tự phán xét, lên án về sự “hờ hững” của ông với vợ con, cũng là biểu hiện của thói đời bạc bẽo → nhân cách cao đẹp.
- Lời “chửi” trong hai câu kết: chửi đồng → dồn nén tâm trạng  
=> Tú Xương tự rửa mặt mình nhưng cũng chính là chửi thói đời “bạc bẽo” → ý nghĩa sâu sắc.

### **III/ Tổng kết**

**1. Nghệ thuật:** Vận dụng sáng tạo ngôn ngữ và thi liệu văn hoá dân gian. - Kết hợp nhuần nhuyễn giữa trữ tình và trào phúng.

#### **2. Ý nghĩa văn bản**

Chân dung người vợ trong cảm xúc yêu thương cùng tiếng cười tự trào và một cách nhìn về thân phận người phụ nữ của Tú Xương.

## **PHẦN 2: LUYỆN ĐỀ**

**Đề bài:** Cảm nhận của anh/chị hình ảnh bà Tú qua nỗi lòng thương vợ của ông Tú trong bài thơ “Thương vợ”

#### **1. Mở bài:**

- Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm.
- Nêu luận đề (trích dẫn thơ).

#### **2. Thân bài:** Triển khai vấn đề:

- Khái quát chung về vấn đề cần bàn luận.

- Cảm nhận, phân tích: bám sát hệ thống ngôn từ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản để làm nổi bật hình ảnh bà Tú qua nỗi lòng thương vợ của ông Tú (6 câu thơ đầu):

+ Hai câu đề

+ Hai câu thực

+ Hai câu luận

- Đánh giá chung và liên hệ mở rộng thực tế.

3. Kết bài:

- Khẳng định giá trị nội dung, nghệ thuật,

- Cảm nhận riêng của bản thân.

## **Bài 4      **VĂN TẾ NGHĨA SĨ CÀN GIUỘC – NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU****

### **PHẦN 1: KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

#### **I/ Tìm hiểu chung**

##### **1. Tác giả:**

- Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ, nhà văn yêu nước.

- Cuộc đời gặp nhiều đau thương nhưng ông luôn giữ được phẩm cách thanh cao.

- Ông làm thơ, viết văn là để chở đạo, cứu đời. Những tác phẩm của ông đều thể hiện tấm lòng vì dân vì nước.

##### **2. Tác phẩm**

- “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc” được viết theo yêu cầu của tuần phủ Gia Định để tế vong hồn những nghĩa sĩ đã hi sinh trong trận tập kích đồn quân Pháp ở Cần Giuộc .

- Bố cục: 4 phần (lung khởi, thích thực, ai vãn và kết)

- Chủ đề: Bài văn tế làm hiện lên một tượng đài nghệ thuật của người nông dân mộ nghĩa, bày tỏ lòng tiếc thương và cảm phục của nhân dân trước sự hi sinh cao đẹp của họ.

#### **II/ Tìm hiểu chi tiết**

##### **1/ Bối cảnh lịch sử và sự hi sinh cao quý của người nông dân:**

Hai câu mở đầu đã khái quát được hai đặc điểm của hoàn cảnh lịch sử và thời thế lúc bấy giờ: Giặc xâm lược có vũ khí tối tân, sức công phá dữ dội, súng nổ rền vang mặt đất. Người nông dân đã lựa chọn lối sống thà chết vinh còn hơn sống nhục. Bởi vậy, cái chết của họ là vì nghĩa lớn, cái chết bất tử.

##### **2/ Hình tượng người nghĩa sĩ nông dân**

\* Trước khi TDP xâm lược:

- Cuộc sống của họ rất lam lũ, vất vả, cuộc đời chỉ biết “cui cút”, “làm ăn toan lo” nhưng vẫn nghèo khó.

- Họ sống theo tập tục, thói quen **“chỉ biết ruộng trâu ở trong làng bộ” quen với việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy**”, mà chưa quen với những việc nơi chiến trường, chưa từng ngó thấy súng, mác, cung tên hoàn toàn xa lạ với công việc bình đao.

\* khi giặc Pháp sang xâm lược

- Họ hồi hộp, mong tin nhưng rồi thất vọng “như trời hạn trông mưa” bởi vua quan triều đình phong kiến nhu nhược hèn nhát.

- khi chứng kiến những tội ác của Thực dân Pháp đối với nhân dân, họ **“ghét như nhà nông ghét cỏ”** chỉ muốn **“ăn gan, “cắn cổ”**.

## TRƯỜNG THCS & THPT LÊ LỢI

- Họ nhận thức về nền độc lập dân tộc “Một mối xa thư”, “Hai vàng nhật nguyệt chói lòa”, thấy rõ được bản chất kẻ thù “lũ treo dê bán chó”. Đó là lúc họ nhận thức về trách nhiệm đối với sự nghiệp cứu nước.

- Từ nhận thức đến hành động: tập hợp binh trận, tự nguyện chiến đấu “Nào đợi ai đòi ai bắt, chẳng thêm chôn ngược chôn xuôi”.

=> Như vậy, đứng trước tình cảnh đất nước bị xâm lăng, những người nông dân đã có sự chuyển biến lớn trong suy nghĩ và hành động.

- Người nông dân đã bước vào trận chiến với trang bị vũ khí rất thô sơ tự tạo với dao phay, ngọn tầm vông, rơm con cúi đối lập hoàn toàn với quân giặc là súng đạn, tàu sắt, tàu đồng. Thế nhưng chiến đấu với tinh thần dũng cảm, hiên ngang, chiến đấu quên mình, chỉ với một quyết tâm giết chết kẻ thù.

=> Bằng nhịp thơ nhanh, dứt khoát, hình ảnh so sánh đối lập sinh động, dùng nhiều động từ mạnh nhà văn đã tái hiện cuộc chiến đấu quyết liệt không ngại hi sinh vì nghĩa lớn của nghĩa quân. Hình tượng người nông dân – nghĩa sĩ đã trở thành bức tượng đài nghệ thuật có một không hai trong lịch sử văn học trung đại Việt Nam.

**III/ Tổng kết** (ghi nhớ sgk)

### **PHẦN 2: LUYỆN ĐỀ**

*Đề ra:* Cảm nhận về hình tượng người nông dân-nghĩa sĩ trong bài “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc” của Nguyễn Đình Chiểu.

*1. Mở bài:*

-Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm.

-Nêu luận đề.

*2. Thân bài:* Triển khai vấn đề:

-Nêu khái quát chung về vấn đề.

-Cảm nhận, phân tích: bám sát từ ngữ, hình ảnh, thủ pháp nghệ thuật..làm nổi hình tượng người nông dân-nghĩa sĩ:

+ Trước khi Pháp xâm lược..

+ Những chuyển biến khi Tổ quốc bị xâm lăng (tình cảm, nhận thức, hành động...).

+ Về đẹp hào hùng của dũng sĩ công đồn trong trận nghĩa đánh Tây.

-Đánh giá chung về nghệ thuật xây dựng và ý nghĩa của hình tượng. Liên hệ mở rộng vấn đề.

*3. Kết bài:*

- Khẳng định vấn đề

- Cảm nhận riêng của bản thân.

### **BÀI 5**

### **HAI ĐỨA TRẺ - THẠCH LAM**

#### **PHẦN 1: KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

##### **I/ Tìm hiểu chung**

##### **1. Tác giả:**

- Thạch Lam là một trong những cây bút tiêu biểu của dòng VH lãng mạn VN.

## TRƯỜNG THCS & THPT LÊ LỢI

- Những truyện ông viết thường không có cốt truyện mà chủ yếu đi sâu khai thác thế giới nội tâm của nhân vật. Từ đó, nhà văn bày tỏ niềm thương cảm đối với những kiếp người nghèo khổ.

### 2. Tác phẩm:

- Tác phẩm được rút trong tập biêu cho bút pháp văn của Thạch Lam. truyện “nắng trong vườn” (1938).

- Truyện thành công khi diễn tả dòng tâm trạng của hai đứa trẻ, nhất là của cô bé Liên trước cảnh và người ở phố huyện nghèo từ chiều tàn đến đêm khuya và cho đến khi có chuyến tàu đêm đi qua.

### II/ Tìm hiểu chi tiết:

#### 1. Khung cảnh phố huyện qua cái nhìn và tâm trạng của Liên

##### \* Phố huyện lúc chiều tàn

- Cảnh chiều tàn: Hiện lên với những âm thanh, hình ảnh quen thuộc gần gũi được miêu tả qua những câu văn êm dịu, chậm buồn

- Cảnh phiên chợ tàn: Hiện lên trong cảm nhận của Liên rất đơn sơ tiêu điều “chợ họp đã vắng từ lâu...” -> cách nhìn thẳm thía về cuộc sống con người của nhà văn, đó là một cuộc sống nghèo nàn, bình lặng.

- Những kiếp người tàn tạ: Mấy đứa trẻ con nhà nghèo nhặt rác, mẹ con chị Tý, chị em Liên với gian hàng tạp hóa, cụ Thi hơi điên lại nghiện rượu -> Những số phận không ai giống ai nhưng có điểm chung là đều nghèo khổ sống lay lắt, lầm than.

- Tâm trạng của Liên: thấy lòng buồn man mác trước cái giờ khắc của ngày tàn, chị dõi theo những kiếp người nghèo khổ với niềm cảm thương, ái ngại.

-> Qua tâm hồn nhạy cảm, tinh tế của Liên, Thạch Lam đã vẽ lên một bức tranh phố huyện nghèo quen thuộc, gần gũi, mà cũng xơ xác, buồn tẻ.

##### \* Phố huyện khi màn đêm buông xuống

- Khung cảnh thiên nhiên hiện lên qua bút pháp tương phản, những gam màu đối lập mang ý nghĩa biểu trưng -> Bức tranh đêm tối để từ đó khơi gợi trong lòng người đọc những suy tư và xúc cảm về con người, cuộc đời.

- Nhịp sống của con người với những động tác quen thuộc, **lời** đối thoại rời rạc, **những** suy nghĩ và mong đợi như mọi ngày -> Nhịp sống của phố huyện ngày này cứ lặp đi lặp lại một cách đơn điệu, quanh quẩn và tẻ nhạt. Họ vẫn hi vọng – cho dù hi vọng đó rất mơ hồ “một cái gì tươi sáng cho sự sống nghèo khổ hằng ngày của họ” -> Niềm thương cảm của nhà văn đối với những kiếp người nghèo khổ.

- **Tâm Trạng của Liên:** Khao khát ánh sáng, buồn bã dõi theo những mảnh đời lam lũ, lay lắt.

-> Nt miêu tả tâm lí, tạo dựng bối cảnh và không khí, khung cảnh phố huyện khi màn đêm buông xuống vẫn âm đạm, buồn tẻ và đầy tối tăm.

##### \* Phố huyện lúc chuyến tàu đi qua.

- Thời gian: đêm khuya

- Hình ảnh đoàn tàu được miêu tả trực tiếp tỉ mỉ, chi tiết: từ xa - > đến gần -> vụt qua -> biến mất.

- Tâm trạng của chị em Liên:

+Đêm nào cũng thực đợi tàu đến: khắc khoải, háo hức.

+ Đoàn tàu xuất hiện và đi qua: quan sát tỉ mỉ -> đứng dậy nhìn -> nhìn theo tiếc nuối, mơ tưởng -> hụt hẫng quay về với thực tại.

##### \* Ý nghĩa của chuyến tàu đêm

- Là biểu tượng của một thế giới thật đáng sống với sự giàu sang và rưa rờ ánh sáng, nó đối lập với cuộc sống mòn mỏi nghèo khổ tối tăm của người dân nơi phố huyện.

- Chuyến tàu gợi nhắc về quá khứ, về tuổi thơ tươi đẹp ở HN.

## TRƯỜNG THCS & THPT LÊ LỢI

- Thể hiện ước mơ của chị em L và của những con người nơi phố huyện về một cuộc sống tươi đẹp có ý nghĩa.

-> TL muốn gửi đến một thông điệp: đừng bao giờ để cuộc sống chìm vào bóng tối hãy vươn ra ánh sáng, hướng đến cuộc sống tươi đẹp và hạnh phúc.

### **2. Nhân vật Liên**

#### **\* Hoàn cảnh:**

- Từng sống ở Hà Nội, rồi gia đình bị sa cơ thất thế nên đã trở về quê, một phố huyện heo lánh.  
- Phải thay mẹ trông em và trông coi một cửa hàng tạp hóa nhỏ xíu. Buổi tối hai chị em cùng ngủ ở đây để trông hàng.

-> cũng như bao đứa trẻ nghèo, Liên có tuổi thơ vất vả, đáng thương, là người chị lớn đảm đang, tay hòm chìa khoá của mẹ, vì dẫu cho cô bé Liên có tự hào về chiếc chìa khoá đeo vào chiếc dây xà tích bạc thì điều ấy chỉ làm người đọc buồn và thương cảm cho một cô bé sớm già trước tuổi.

#### **\* Vẻ đẹp tâm hồn**

- Là cô bé có tâm hồn nhạy cảm tinh tế trước cái đẹp của thiên nhiên  
- Biết yêu thương, cảm thông xót xa cho những nỗi khổ của con người.  
- Biết ước mơ, biết hướng tới tương lai.  
-> Là nhân vật thể hiện cái nhìn và tấm lòng nhân đạo của nhà văn.

### **III/ Tổng kết**

#### **1. Nghệ thuật:**

- Cốt truyện đơn giản, nổi bật là những dòng tâm trạng, những cảm xúc, cảm giác mong manh mơ hồ trong tâm hồn nhân vật.  
- Bút pháp tương phản, đối lập.  
- Ngôn ngữ, hình ảnh giu ý nghĩa tượng trưng.  
- Giọng điệu thủ thỉ giàu chất thơ, chất trữ tình sâu lắng.

#### **2. Ý nghĩa văn bản.**

Truyện thể hiện niềm cảm thương chân thành của Thạch Lam đối với những kiếp sống nghèo khổ, chìm khuất trong mỗi mòn, tăm tối, quẩn quanh nơi phố huyện trước cách mạng và sự trân trọng với những mong ước bé nhỏ, bình dị mà tha thiết của họ.

## **PHẦN 2: LUYỆN ĐỀ**

**Đề bài:** *Phân tích tâm trạng của nhân vật Liên trong truyện ngắn « Hai đứa trẻ » của Thạch Lam.*

### **1. Phân tích đề**

- Thể loại: nghị luận văn học – dạng nghị luận về nhân vật trong tác phẩm tự sự.  
- Thao tác: PT, CM, biểu cảm  
- Phạm vi dẫn chứng: Tp “Hai đứa trẻ” và một số tác phẩm cùng đề tài của tác giả...

### **2. Dàn ý:**

#### **a/ Mở bài:**

- Dẫn dắt tác giả, tác phẩm  
- Nêu vấn đề

#### **b/ Thân bài:**

\* *Giới thiệu khái quát nhân vật Liên*

- Là hình ảnh được gọi liên tưởng từ chị gái Thạch Lam lúc nhỏ, đồng thời là nhân vật để tác giả gửi gắm suy nghĩ, ước mơ, niềm tin về cuộc đời và con người (Qua cách xưng hô là chị).

- Độ tuổi, hoàn cảnh sống, tính cách...

=> Là cô bé có tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, dễ xúc động trước người và cảnh.



\* *Tâm trạng của Liên*

- Trước cảnh ngày tàn, chợ tàn
- Trước những kiếp người nghèo trong đêm đen của phố huyện.
- Khi đợi và ngắm chuyến tàu đêm đi qua.

=> qua ước mơ của cô bé Liên khi ngắm nhì đoàn tàu Thạch Lam đã thể hiện mong muốn về một sự đổi thay, về một cuộc sống có ý nghĩa.

\* Nghệ thuật xây dựng nhân vật.

### **c/ Kết luận:**

- Khẳng định lại vấn đề
- Cảm nhận riêng của bản thân về nhân vật.

## **BÀI 6**

## **CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ – NGUYỄN TUÂN**

### **PHẦN 1: KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

#### **I/ Tìm hiểu chung**

##### **1. Tác giả**

- Nguyễn Tuân là một nghệ sĩ tài hoa, có cá tính độc đáo trong nền VHVN.
- Những tác phẩm trước CMt8 của ông thường thể hiện sự hoài niệm về những nét đẹp văn hóa cổ truyền của dân tộc đã mất đi.

##### **2. Tác phẩm**

- Chữ người tử tù là tác phẩm tiêu biểu, truyện ngắn được rút trong tập truyện “Vang bóng một thời”.
- Thông qua hình tượng nhân vật HC - một tử tù nhưng có tài viết chữ đẹp Nguyễn Tuân đã bộc lộ tư tưởng và tài năng của mình.

#### **II/ Tìm hiểu chi tiết**

##### **1/ Nhân vật Huấn Cao**

\* Mang cốt cách của một nghệ sĩ tài hoa

- Huấn Cao có tài viết chữ “rất nhanh và rất đẹp” của ông nổi tiếng khắp một vùng tỉnh sơn.
- Ngay cả viên quan quản ngục của một huyện nhỏ vô danh ao ước có được chữ của Huấn Cao. Để có được chữ ông Huấn Cao, viên quản ngục không những phải dụng công, phải nhẫn nhục mà còn phải liều mạng. Bởi vì biết đả Huấn Cao một kẻ tử tù là việc làm nguy hiểm có khi phải trả giá bằng tính mạng của mình.

-> Ca ngợi tài hoa của Huấn Cao, NT đã bộc lộ sự ngưỡng mộ của mình đối với những bậc tài hoa và sự trân trọng nghệ thuật thư pháp của dân tộc.

\* *Huấn Cao là người có khí phách hiên ngang, bat khuất*

- Huấn Cao đã đứng về phía nhân dân, cầm đầu bọn phản nghịch chống lại triều đình.
- Dù chí lớn không thành tư thế của Huấn Cao lúc nào cũng hiên ngang, bất khuất. Tỏ thái độ khinh bạc, ngạo mạn coi thường và có cả sự thách thức viên quản ngục “ngươi hỏi ta muốn gì...” -> đợi sự trả thù.
- Đối diện với cái chết vẫn ung dung đương hoàng.

-> Qua ngòi bút lãng mạn của NT, ông đã xây dựng hình tượng HC dựa trên nguyên mẫu của người anh hùng CBQ - Trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng không làm Huấn Cao cúi đầu, bởi ông là một người “uy vũ bất năng khuất”.

\* *Một Huấn Cao có thiên lương trong sáng*

- Trước hết “thiên lương” thể hiện ở ý thức của ông trong việc sử dụng cái tài của mình.

## TRƯỜNG THCS & THPT LÊ LỢI

- Coi trọng những con “chữ” bởi với ông, nó thể hiện hoà hảo, khí phách của một con người - > “Trừ chỗ tri kỉ, ông ít chịu cho chữ”.
- Là người trọng nghĩa khinh lợi “ Ta nhất sinh...ép mình viết câu đối bao giờ”.
- Thể hiện qua cách đối xử với viên quản ngục: Lúc đầu tỏ ý khinh thường, về sau, ônga hiểu - > quý trọng -> cảm động -> cho chữ “thiếu chút nữa ta đã phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ”.

\* Trong cảnh cho chữ ở cuối tác phẩm Nguyễn Tuân đã đề cho vẻ đẹp của cái tâm, của “thiện lương” chiếu rọi, làm cho cái đẹp của cái tài của khí phách anh hùng bừng sáng, tạo nên nhân cách chói lọi của Huân Cao. điều này được kết tinh trong “Cảnh cho chữ cuối cùng – cảnh tượng xưa nay chưa từng có”.

=> Hình tượng Huân Cao vì thế trở thành biểu tượng cho sự chiến thắng của ánh sáng đối với bóng tối, của cái cao đẹp, cái cao cả đối với cái phàm tục dơ bẩn -> là đại diện cho những vẻ đẹp VANG BÓNG MỘT THỜI. Qua đó thấy được quan điểm của Nguyễn Tuân: cái Tài phải đi đôi với cái Tâm, cái Đẹp và cái Thiện không thể tách rời nhau. Xây dựng nhân vật Huân Cao Nguyễn Tuân bộc lộ tình cảm yêu nước và tinh thần dân tộc thầm kín của mình.

### 2/ Nhân vật quản ngục

\* Hoàn cảnh sống:

- Làm quan chức trong ngục.
- Nơi quản ngục sống: đề lao nơi "người ta sống bằng tàn nhẫn, lừa lọc".
- Nơi đó, bọn lính ngục đã hành hạ người tù bằng những thói "tiểu nhân thị oai".
- > Sống trong hoàn cảnh như vậy, con người dễ bị tha hoá, càng ngày càng dễ dần sâu vào bùn lầy.

\* Trong “bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ” đó thì viên quản ngục “là một thanh âm trong trẻo”.

- Là quan coi tù nhưng có tâm hồn nghệ sĩ, ham mê cái đẹp. từ khi ông "đọc vỡ nghĩa sách thánh hiền", “Cái sở nguyện...HC viết”.

- Vì yêu quý cái đẹp, ông biết trân trọng người tài, người sáng tạo ra cái đẹp

-> Đó là hình tượng tiêu biểu cho người có lòng yêu quý cái đẹp, cho tấm lòng "trọng nghĩa liên tài". Ông là "một đóa sen thơm ngát trong chôn bùn lầy".

-> Bên cạnh nhân vật HC, viên quản ngục góp phần bộc lộ quan điểm của Nguyễn Tuân: trong mỗi tâm hồn con người đều ẩn chứa tâm hồn yêu cái đẹp, cái tài. Cái đẹp chân chính trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng đều giữ được phẩm chất và nhân cách.

### III/ Tổng kết

1/ Đặc sắc nghệ thuật: xây dựng nhân vật, tạo tình huống truyện, tạo không khí cổ kính kết hợp ngôn ngữ sáng tạo tài hoa.

2/ Ý nghĩa văn bản (ghi nhớ SGK)

## PHẦN 2: LUYỆN ĐỀ

**ĐỀ 1:** Phân tích vẻ đẹp hình tượng nhân vật Huân Cao trong truyện ngắn « Chữ người tử tù » của Nguyễn Tuân.

**1/ Phân tích đề:**

a. Xác định vấn đề: Hình tượng Huân Cao

b. Thao tác lập luận: Phân tích (chủ yếu), kết hợp chứng minh, biểu cảm.

c. Phạm vi kiến thức:

- Tp « Chữ người tử tù ».

- Ngoài ra có thể tham khảo một số tác phẩm trong tập truyện « Vang bóng một thời ».

**2/ Tìm ý :** Cần làm nổi bật 3 vẻ đẹp của hình tượng.

- Vẻ đẹp tài hoa nghệ sĩ.
- Khí phách hiên ngang bất khuất
- Nhân cách cao đẹp, thiên lương trong sáng.

### **3/ Lập dàn ý:**

#### **a/ Mở bài :**

- Dẫn dắt tác giả, tác phẩm.
- Nêu vấn đề (hình tượng nhân vật Huân Cao với 3 vẻ đẹp).

#### **b/ Thân bài :**

##### *\* Giới thiệu nhân vật*

- Là nhân vật được xây dựng từ nguyên mẫu của người anh hùng Cao Bá Quát, có những nét tính cách khác hẳn những nhân vật trong tập truyện « Vang bóng một thời ».

- Hoàn cảnh, lai lịch

##### *\* Triển khai 3 vẻ đẹp của nhân vật.*

- Trước hết là vẻ đẹp tài hoa nghệ sĩ
- Không những thế HC còn là người có khí phách anh hùng nghĩa liệt.
- Luôn sáng ngời bởi nhân cách cao đẹp và thiên lương trong sáng.

##### *\* Đánh giá chung*

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật.
- ý nghĩa của nhân vật (thể hiện tư tưởng, quan điểm gì của tác giả.)
- Liên hệ mở rộng

#### **c/ Kết luận**

- Khẳng định lại vấn đề
- Cảm nhận riêng của cá nhân về nhân vật, tác phẩm và tác giả.

## **BÀI 7**

## **CHÍ PHÈO – NAM CAO**

### **PHẦN 1: KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

#### **I/ Tìm hiểu chung**

##### **1/Tác giả:**

- Nam Cao (1917-1951), tên khai sinh là Trần Hữu Tri.
- Là nhà văn hiện thực xuất sắc của dòng VH Việt Nam trước CMT8.
- Đề tài thường viết về người nông dân nghèo và trí thức nghèo.
- Có tấm lòng đôn hậu, chan chứa yêu thương; gắn bó sâu nặng với quê hương và những người bị áp bức trong xã hội cũ.

##### **2/Tác phẩm**

- Nhan đề:
  - + Cái lò gạch cũ: sự luân quản, bế tắc
  - + Đôi lứa xứng đôi: nhấn mạnh mối tình Chí Phèo- Thị Nở
  - + Chí Phèo: nhấn mạnh số phận của nhân vật Chí Phèo
    - > Cơ sở của truyện: “Chí Phèo” là chuyện về người thật, việc thật ở làng Đại Hoàng- quê tác giả.
- Chủ đề: Phản ánh số phận bi thảm của người nông dân lương thiện bị đẩy vào đường cùng dự bị tha hóa nhưng vẫn cố gắng vươn lên và khao khát lương thiện.
- Bố cục: 3 phần
  - + Phần 1: Chí phèo trước khi vào tù

## TRƯỜNG THCS & THPT LÊ LỢI

- + Phần 2: Chí Phèo sau khi ra tù cho đến khi gặp Thị Nở
- + Phần 3: Chí Phèo sau khi gặp Thị Nở cho đến khi giết Bá Kiến và tự sát.

### II/ Tìm hiểu chi tiết

#### 1. Hình tượng nhân vật Bá Kiến

- Uy lực, tự phụ.
  - Bản chất nham hiểm, xảo quyệt.
- } Đại diện cho giai cấp thống trị trước CM/8.

#### 2/ Nhân vật Chí Phèo

##### **a. Chí Phèo trước khi đi tù**

- Hoàn cảnh xuất thân: không cha, không mẹ, không nhà, không cửa, không một tấc đất cắm dùi, đi ở hết nhà này đến nhà khác. Cày thuê cuốc mướn để kiếm sống
  - Tầm mơ ước: một gia đình nhỏ nhỏ....
  - Có lòng tự trọng -> biết phân biệt tình yêu chân chính và thói dâm dục xấu xa
- => 20 năm đầu của cuộc đời Chí Phèo là một anh canh điền hiền lành, chất phác, lương thiện vì ghen tuông Bá Kiến đã đẩy anh canh điền hiền lành và chất phác ấy vào nhà tù.

##### **b. Chí Phèo sau khi ở tù về cho đến khi gặp Thị Nở**

- Đi biệt 7,8 năm CP lù lù lần về trông khác hẳn cả nhân hình lẫn nhân tính
  - > Chí Phèo bị vùi dập cả thể xác lẫn linh hồn. Nhà tù thực dân đã tiếp tay với lão cường hào thâm độc giết chết phần người trong con người chí.
- => Hiện tượng bi thảm ấy khá phổ biến và có tính qui luật trong xã hội đương thời. Nhà văn đã nêu ra một vấn đề mới trong số phận tăm tối của người nông dân: bị tàn phá về tâm hồn, bị huỷ diệt cả nhân tính.

##### **c. Chí Phèo sau khi gặp Thị Nở cho đến khi giết Bá Kiến và tự sát**

- Gặp Thị Nở trong hoàn cảnh đặc biệt, tình yêu thương mộc mạc chân thành của người đàn bà xấu xí ấy đã khiến bản chất lương thiện của Chí Phèo thức dậy.
  - Bị Thị Nở cự tuyệt Chí Phèo đến nhà Bá Kiến, giết chết Bá Kiến và tự sát -> khi ý thức trở về CP không bằng lòng trở lại cuộc sống thú vật như trước nữa và CP đã chết trên ngưỡng cửa trở về cuộc sống.
- => Tình trạng xung đột giai cấp ở nông thôn hết sức gay gắt không gì có thể xoa dịu được.

### III/ Tổng kết

#### 1/ Đặc sắc nghệ thuật

- Cách xây dựng nhân vật điển hình.
- Sở trường miêu tả và phân tích diễn biến tâm lí nhân vật.
- Ngôn ngữ tự nhiên, sống động, sử dụng khẩu ngữ quần chúng. Ngôn ngữ kể chuyện vừa là ngôn ngữ tác giả vừa là ngôn ngữ nhân vật...

#### 2/ Ý nghĩa văn bản (ghi nhớ sgk)

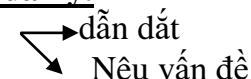
### PHẦN 2: LUYỆN ĐỀ

Đề số 1: *Phân tích hình tượng nhân vật Chí Phèo trong tác phẩm cùng tên của Nam Cao.*

#### 1. Phân tích đề

- Xác định vấn đề: nhân vật Chí Phèo (phẩm chất, số phận)
- Thao tác lập luận : Kiểu đề NL về một nhân vật, thao tác phân tích là chủ yếu có kết hợp bình luận, chứng minh và biểu cảm ở phần KL
- Phạm vi dẫn chứng : Tp Chí Phèo và liên hệ một số tác phẩm có cùng đề tài.

#### 2. Lập dàn ý.

- a/ MB 

#### b/ TB

- \* Giới thiệu nhân vật Chí Phèo và nguyên nhân Chí bị đẩy vào tù.

\* Triển khai vấn đề

- Sự tha hóa của Chí sau khi ra tù và ý nghĩa phản ánh

- Bị kịch bị cự tuyệt quyền làm người kể từ sau khi gặp Thị Nở

+ Chí gặp Thị Nở - người đàn bà dở hơi -> cuộc gặp gỡ của 2 con người bất hạnh nhưng có tác dụng làm thức tỉnh phần người trong Chí.

+ Diễn biến tâm trạng của Chí khi ăn bát cháo hành của Thị Nở -> Chí thực sự phục sinh tâm hồn.

+ Bị Thị Nở cự tuyệt -> rơi vào bi kịch

+ Hành động trả thù và tự sát của Chí.

+ Ý nghĩa của hành động đó.

c. Rút ra giá trị của tác phẩm và liên hệ mở rộng.

**c. KL**

- Khẳng định lại ý nghĩa của vấn đề

- Cảm nhận riêng về nhân vật.

## **BÀI 8**

## **VỘI VÀNG - XUÂN DIỆU**

### **PHẦN 1: KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

#### **I/ Tìm hiểu chung**

##### **1/ Tác giả:**

- Ông còn được đánh giá là một nhà thơ “*mới nhất trong các nhà thơ mới*” (Hoài Thanh).

- Mang đến cho thơ ca đương thời một sức sống mới, một nguồn cảm xúc mới chưa từng thấy trước đó.

##### **2/ Tác phẩm:**

- in trong tập “Thơ thơ”

- Là tiếng nói của một tâm hồn yêu đời tha thiết, mãnh liệt luôn muốn sống hết mình để tận hưởng từng phút giây cuộc đời.

- Bộ cục: 3 đoạn

+ Đoạn 1: 11 dòng thơ đầu

+ Đoạn 2: 18 dòng thơ tiếp theo

+ Đoạn 3: phần còn lại

#### **II/ Tìm hiểu chi tiết**

**a/ Đoạn 1 (11 câu thơ đầu):** Ngay từ đoạn thơ mở đầu của tác phẩm, XD đã bày tỏ tình yêu cuộc sống trần thế tha thiết

\* 4 câu đầu là khát vọng muốn níu giữ thời gian.

Với thể thơ ngũ ngôn ngắn gọn, cô nén cảm xúc + điệp cấu trúc câu + điệp từ “đừng” nhà thơ đã khẳng định ý tưởng táo bạo qua 2 ước muốn để giữ lại màu sắc và hương thơm cho cuộc sống. Bởi màu sắc và hương thơm chính là những gì tinh túy nhất của cuộc đời -> Ước muốn có vẻ vô lí, không tưởng của nhà thơ đã bộc lộ tâm lí sợ thời gian trôi, lo lắng trước sự thay đổi của trời đất muốn níu kéo thời gian để được tận hưởng mãi mãi hương sắc cuộc đời.

**\*Bức tranh mùa xuân tuyệt đẹp tràn đầy sức sống (7 câu thơ tiếp theo)**

- **Nghệ thuật:** câu thơ kéo dài từ 5 chữ lên 8 chữ + Điệp cấu trúc câu kết hợp đảo vị trí các từ một cách luyến láy khiến cho câu thơ có vẻ mới lạ khác với cách diễn đạt trong thơ truyền thống + Nhịp thơ nhanh, kết hợp với điệp ngữ “*này đây*” vang lên liên tiếp nhằm nhấn mạnh,

## TRƯỜNG THCS & THPT LÊ LỢI

liệt kê đồng thời lại như tiếng reo mời gọi hãy thưởng thức vẻ đẹp muôn màu của cuộc sống đầy tươi non và hấp dẫn

-> **Đó là bức tranh** mùa xuân có cả màu sắc, ánh sáng, âm thanh, có hương thơm, mật ngọt

- Cảnh vật được nhà thơ gọi tả và hình dung như tâm trạng của người đang yêu nên có đôi, có lứa, có tình vừa đắm say, si mê vừa tràn trề hạnh phúc với *tuần tháng mật, khúc tình si, cặp môi gần...*)

- **Cảm xúc dâng** trào XD đã thốt lên: “*Tháng giêng ngon như một cặp môi gần*”. Với XD thiên nhiên không chỉ đẹp mà còn rất quyến rũ.

-> Cách so sánh mới mẻ độc đáo, XD đã bộc lộ một quan niệm thẩm mỹ mới mẻ: con người là thước đo thẩm mỹ của vũ trụ, thế giới này đẹp nhất, mê hồn nhất là vì có con người giữa tuổi trẻ mùa xuân, tình yêu.

**b/ Đoạn 2 (18 dòng tiếp theo): Quan niệm thẩm mỹ mới mẻ về thời gian, đời người**

- Dấu chấm giữa dòng làm cho câu thơ gãy nhịp, bề đôi với 2 tâm trạng: một bên của niềm vui, khao khát, say mê; một bên là sự phũ phàng nghiệt ngã của thời gian làm cho niềm vui chợt vụt tắt, khựng lại.

- Cuộc đời tươi đẹp nhưng thời gian tuyến tính một đi không trở lại nên tác giả lo lắng hốt hoảng, bồn chồn trước quy luật của tạo hoá.

- Cảm nhận đầy bi kịch về sự sống. Thi sĩ thấy nuối tiếc tất cả mọi thứ trong cuộc đời vì tuổi trẻ sẽ qua đi bất chấp khát vọng của con người. Trong tâm trạng ấy nhà thơ nhìn thấy sự chia li, tàn phai, héo úa ngay cả lúc tươi non, tràn trề sức sống nhất.

- Tiếc nuối cả đất trời, ông bật nên lời than thở tương chừng như tuyệt vọng: “*Chẳng bao giờ, ôi! Chẳng bao giờ nữa...*”

-> Phải sống vội vàng bởi cuộc sống trần gian đẹp như một thiên đường, mà thời gian một đi không trở lại, đời người thì ngắn ngủi, không thể níu giữ thời gian chỉ còn cách là phải chạy đua với thời gian, phải sống vội vàng.

**c/ Đoạn 3: Thái độ sống vội vàng**

- Từ “tôi” chuyển sang “ta” -> hồi thức nhiều người.

- Lời giục giã: hãy biết quý trọng những giây phút của cuộc đời mình.

- Khát vọng sống sôi trào được diễn tả bằng những hình ảnh thơ tươi mới, đầy sức sống: sự sống mơn mớn, mây đưa,...

- Sử dụng nhiều động từ và tính từ mạnh với mức độ tăng tiến: ôm, riết, say...

- Nhịp điệu thơ sôi nổi, cuồng nhiệt, với nhiều điệp từ có tác dụng tạo nhịp và ngắt nhịp nhanh, mạnh.

- Cảm xúc lên đến tột đỉnh: “*Hỡi xuân...*”-> Diễn tả lòng ham sống, vui sống, say sống của XD.

=> Vội vàng không có nghĩa chỉ lo hưởng thụ, là sống gấp, mà là sống hết mình, sống thật có ích.

**III/ Tổng kết (ghi nhớ -sgk)**

### **PHẦN 2: LUYỆN ĐỀ**

**1. Đề bài:** Phân tích vẻ đẹp của 11 câu thơ đầu trong bài Vội vàng – Xuân Diệu.

**2. Lập dàn ý:**

**a/ Mở bài:** Giới thiệu tác giả, tác phẩm, giới thiệu 11 câu thơ đầu.

**b/ Thân bài:**

\* **Bốn câu thơ đầu:**

- Thể thơ: ngũ ngôn

- Điệp cấu trúc: Tôi muốn ...cho

## TRƯỜNG THCS & THPT LÊ LỢI

- Động từ mạnh: tắt, buộc cùng nhịp thơ khỏe khoắn -> Bộc lộ ước muốn : “tắt nắng; buộc gió”  
→Thực chất Xuân Diệu sợ thời gian trôi chảy, muốn níu kéo thời gian, muốn tận hưởng mãi hương vị của cuộc sống.

\* Bảy câu thơ tiếp:

- Bức tranh thiên đường trên mặt đất được thể hiện rõ qua hệ thống hình ảnh, âm thanh, ánh sáng...: *Ong bướm, tuần tháng mật; Hoa của đồng nội xanh rì;...*

- Nghệ thuật liệt kê + Điệp ngữ “này đây” + nhịp thơ nhanh, gấp gáp, dồn dập → Tất cả hiện hữu có đôi, có lứa, có tình, như mời, như gọi...

- Hình ảnh so sánh: “lấy con người làm chuẩn mực của cái đẹp.

c/ **Kết bài:** Đánh giá về bài thơ, nêu cảm nhận về ý nghĩa của 11 câu thơ đầu.

## BÀI 9

## TRÀNG GIANG – HUY CẬN

### PHẦN 1: KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

#### I/ Tìm hiểu chung

##### 1. Tác giả:

Huy Cận là một trong những nhà thơ tiêu biểu của dòng văn học lãng mạn VN. Trước CM tháng tám, bao trùm toàn bộ sáng tác của Huy Cận là nỗi buồn mênh mang, da diết của cái tôi cô đơn và nhỏ bé trước không gian bao la rộng ngợp.

##### 2. Tác phẩm:

- Tràng giang nằm trong tập “Lửa thiêng” (1939) là bài thơ tiêu biểu cho phong cách thơ Huy Cận trước Cách mạng.

- Cảm hứng được khơi gợi từ cảnh sông Hồng sóng nước mênh mang.

- Nhan đề: *Tràng giang*

+ *Tràng giang*: từ Hán Việt -> trang trọng, vừa cổ điển vừa hiện đại, gợi âm hưởng lan toả, ngân vang.

- Lời đề từ: Cảm hứng chủ đạo được tác giả nói rõ:

+ Một dòng sông dài, rộng mênh mông.

+ Một nỗi niềm băng khuâng, tha thiết nhớ khi đứng trước trời rộng sông dài.

#### II/ Tìm hiểu chi tiết

##### 1. Khổ 1

\* 3 câu thơ đầu.

- Hình ảnh: “sóng gợn”: Nhẹ, từng lớp một như lan toả, “Tràng giang” - con sông dài, điệp vần “ang” gợi cảm giác mênh mang, bát ngát.

- “Buồn điệp điệp” -> một nỗi buồn da diết.

- Con thuyền xuôi mái: nhỏ bé, lẻ loi, lênh đênh trôi dạt trên dòng sông rộng lớn, mênh mông gợi nỗi cô đơn, xa vắng, chia lìa.

- *Thuyền về >< nước lại – sầu trăm ngả* → Nt đối, nhân hóa, từ chỉ số lượng gợi sự chia lìa, nỗi sầu lan tỏa khắp nơi.

=> **Đậm chất cổ điển.**

\* Câu thơ cuối đậm chất hiện đại với hình ảnh rất đời thường: *củi một cành khô* → đảo ngữ, ẩn dụ – biểu tượng cho thân phận của những kiếp người nhỏ bé, bơ vơ, lạc loài giữa dòng đời.

⇒ Cảnh TN buồn, cô đơn, kéo dài vô tận không dứt.

##### 2. Khổ 2:

## TRƯỜNG THCS & THPT LÊ LỢI

- Cảnh vật: “lơ thơ, gió đầu hiu” gợi cảm giác buồn.
- Sử dụng nhiều từ láy -> gợi tả không gian buồn vắng, hắt hiu.
- Không một âm thanh, không một tiếng động, có vắng hơi tiếng con người ở một phiên chợ chiều đã vắng nhưng mơ hồ - càng gợi sự tàn tạ, vắng vẻ, cô đơn.
- Không gian ba chiều:
  - *sâu*: thăm thẳm, hun hút, khôn cùng
  - *chót vót*: từ láy khắc họa chiều cao dường như vô tận.
- Nghệ thuật đối: sự đối lập giữa con người với vũ trụ, nỗi buồn thấm vào không gian, con người trở nên bé nhỏ, cô đơn. Hình ảnh thơ mang màu sắc cổ điển.

### **3. Khổ 3:**

- *Bèo dạt về đâu...* hình ảnh chia lìa, tan tác.
- Gợi hình ảnh con người mất tự do, mất chủ quyền, kiếp sống lưu lạc trên dòng đời, thân phận bèo bọt, vô nghĩa, cô đơn trước đất trời.
- Cảnh bèo trôi nổi: chia li tan tác.
- Hai lần phủ định: *Không cầu, Không đò*
- Không bóng người, không có sự gắn kết giao hòa. Từ phủ định “không” – phủ nhận thực tại, chỉ có TN hoang vắng, buồn tẻ
- ⇒ Nỗi cô quạnh, trống vắng về cuộc đời, về nhân thế.

### **4. Khổ 4:**

- \* **2 câu đầu**: Bức tranh phong cảnh kì vĩ, nên thơ được gợi lên qua bút pháp nghệ thuật cổ điển.
- Từ láy “*lớp lớp*” → sự hùng vĩ của TN.
- Cánh chim nhỏ bé: gợi nỗi cô đơn, buồn xa vắng >< vũ trụ bao la hùng vĩ.
- \* **Hai câu kết**: trực tiếp bộc lộ tâm lòng thương nhớ quê hương của tác giả.
- “*Dợn dợn*”: Gợi cảm giác bên trong, buồn vô hạn, nhớ quê hương.
- + *Không khói - nhớ nhà*: nét cổ điển mà hiện đại trong thơ Huy Cận. Huy Cận không cần nhìn thấy khói vẫn nhớ nhà -> Nỗi nhớ thường trực, cháy bỏng hơn.
- ⇒ Đó chính là lòng yêu nước thầm kín của Huy Cận trước cảnh ngộ đất nước mất chủ quyền.

### **III. Tổng kết (ghi nhớ - SGK)**

## **PHẦN 2: LUYỆN ĐỀ**

**1. Đề bài:** Phân tích vẻ đẹp của khổ thơ cuối trong bài Tràng Giang – Huy Cận

**2. Lập dàn ý:**

a/ *Mở bài*: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, giới thiệu khổ thơ cuối.

b/ *Thân bài*:

\* Đoạn dẫn

\* Hai câu thơ đầu: Bức tranh thiên nhiên hùng vĩ, bao la

*“Lớp lớp mây cao đùn núi bạc*

*Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa”*

-Hình ảnh: núi mây, cánh chim chiều

- Nghệ thuật: đối lập

→ Bức tranh thiên nhiên càng buồn vắng, thấm đượm nỗi buồn của tác giả.

\* Hai câu thơ cuối: Bộc lộ tình yêu quê hương, đất nước.

*“Lòng quê dợn dợn vời con nước*

*Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà”*



## TRƯỜNG THCS & THPT LÊ LỢI

- Cụm từ: “dợn dợn”: nỗi nhớ quê hương luôn thường trực, bủa vây mà đã trở thành cảm giác thấm thía.

- “Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà”: nỗi buồn nhớ, cô đơn chất chứa trong lòng, không cần có sự tác động của ngoại cảnh → buồn hơn Thôi Hiệu thời Đường vì đây là nỗi sầu thời thế yêu quê hương, đất nước

→ Lòng yêu quê hương thấm kín.

\*Đánh giá chung và mở rộng vấn đề

c/ **Kết bài:** Đánh giá về bài thơ, nêu cảm nhận về ý nghĩa của khổ thơ cuối.

### **BÀI 10**

### **ĐÂY THÔN VĨ DẠ - HÀN MẶC TỬ**

#### **PHẦN 1: KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

##### **I/ Tìm hiểu chung**

###### **1. Tác giả**

- Hàn Mặc Tử là nhà thơ có sức sáng tạo dồi dào trong phong trào thơ mới Việt Nam.

- Cuộc đời có nhiều bất hạnh và đau thương nhưng ông vẫn để lại cho đời một sự nghiệp văn chương lớn.

###### **2. Tác phẩm:**

- “Đây thôn Vĩ Dạ” in trong “Thơ điên”

- Cảm hứng của tác phẩm được gợi lên từ tình yêu đơn phương của thi sĩ với người con gái quê ở Vĩ Dạ.

- Bố cục: 3 phần chia theo 3 khổ thơ

##### **II/ Tìm hiểu chi tiết**

###### **1/ Khổ 1:**

\* Câu thơ mở đầu là câu hỏi tu từ mang nhiều sắc thái: vừa là câu hỏi, vừa là lời mời thân mật, lời trách nhẹ nhàng → Tác giả tự phân thân để bộc lộ tâm trạng: nuối tiếc, nhớ mong.

\* Ba câu thơ sau

- Bức tranh thiên nhiên Vĩ Dạ

+ Hình ảnh “**nắng**” “Nắng hàng cau” - “Nắng mới lên”

+ Hình ảnh “**Vườn**” xanh mướt

-> Bức tranh thiên nhiên chân thực, với đường nét sống động, nên thơ tràn đầy sức sống được cảm nhận từ một tâm hồn yêu thiên nhiên tha thiết, có ân tình đậm đà với thôn Vĩ.

- Con người Vĩ Dạ phúc hậu đoan trang, e ấp kín đáo mặt chữ điền. giàu chất thơ, mang ý nghĩa biểu trưng

=> TN và con người hài hoà trong vẻ đẹp kín đáo, dịu dàng.

###### **2/ Khổ 2**

\* **Hai câu đầu**

- Giọng thơ ở đây như đứt đoạn, mạch cảm xúc chuyển từ háo hức, mong ngóng sang niềm cô đơn, nỗi khát khao trong hụt hẫng. Cảnh vật từ tràn đầy sức sống, ấm áp trong trẻo đến chia lìa, xa cách.

- hình ảnh đặt trong trạng thái chia ly, dòng sông Hương thơ mộng buồn lặng lẽ. Chữ “**buồn thiu**” “được nhân hóa và đặt ngay giữa dòng thơ tạo sức nặng cho tâm trạng. Cái lay động khẽ khàng của hoa bắp càng tô đậm sự tĩnh lặng, hiu hắt.

=> Hình ảnh thơ gợi nỗi đau của nhà thơ khi đang phải chịu sự xa cách. Không gian trống vắng, thời gian như ngừng trôi và cảnh vật hờ hững với con người.

## TRƯỜNG THCS & THPT LÊ LỢI

- \* **2 câu thơ sau** tả dòng sông Hương trong đêm trăng lung linh huyền ảo vừa thực vừa mộng.  
- Hình ảnh thơ không xác định: thuyền ai, thuyền trăng. Cảnh ngập tràn ánh trăng lung linh huyền ảo, nửa thực nửa hư mơ màng.  
- Câu hỏi tu từ thể hiện nỗi mong chờ tha thiết, một tâm trạng vừa đau đớn khắc khoải đầy hoài nghi.  
-> Không gian mênh mông có cả nắng, gió, trăng, hoa... nhưng lại buồn bang khuâng vô hạn

### **3/ Khổ 3:**

\* 2 câu đầu:

- Chủ thể: Đầy khát vọng trong tiếng gọi.
- Khách thể: hư ảo, nhạt nhòa, xa xôi.
- Câu thơ đầy đam mê, hồi hộp, nhưng hụt hẫng, xót xa.
- NT: Điệp từ, điệp ngữ, giọng điệu sâu lắng và buồn mênh mang.

\* 2 câu sau

- Đại từ phiếm chỉ: *ai / tình ai ?*
- Câu hỏi tu từ: mang tâm trạng hoài nghi, chan chứa niềm thiết tha với cuộc đời, và con người của một hồn thơ cô đơn.
- => Chân dung nội tâm của tác giả: Khao khát yêu thương, đồng cảm. Câu thơ cuối dường như chính là câu trả lời cho câu thơ thứ nhất.

### **III/ Tổng kết (ghi nhớ - SGK)**

## **PHẦN 2: LUYỆN ĐỀ**

**1. Đề 1:** Phân tích khổ 1 của bài thơ "Đây thôn Vĩ Dạ" của HMT

**2. Lập dàn ý:**

**a/ Mở bài:** Giới thiệu tác giả, bài thơ, khổ thơ ( trích bài thơ).

**b/ Thân bài:**

\* Đoạn dẫn

\* Câu mở đầu: câu hỏi tu từ mang nhiều sắc thái → câu hỏi hay lời trách móc nhẹ nhàng, lời mời mọc ân cần.

\* Ba câu còn lại: vẽ đẹp hiện hữu của của thiên nhiên và con người thôn Vĩ trong cảnh ban mai.

\* Đánh giá chung và mở rộng

**c/ Kết bài:** Đánh giá giá trị nghệ thuật và nội dung của bài thơ, cảm nhận của bản thân về tâm trạng của tác giả.

**Đề 2:** Phân tích bài thơ "Đây thôn Vĩ Dạ" của HMT

**Lập dàn ý:**

**a/ Mở bài:** Giới thiệu tác giả, bài thơ ( trích bài thơ).

**b/ Thân bài:**

\* Khổ 1: Cảnh ban mai thôn Vĩ.

- Câu đầu: câu hỏi tu từ mang nhiều sắc thái → câu hỏi hay lời trách móc nhẹ nhàng, lời mời mọc ân cần.

- Ba câu còn lại: vẽ đẹp hiện hữu của của thiên nhiên thôn Vĩ trong cảnh hừng đông.

\* Khổ 2: Cảnh thôn Vĩ về đêm

- Hai câu đầu: bao quát toàn cảnh với hình ảnh gió mây chia lìa gợi nỗi buồn hiu hắt.

- Hai câu sau: cảnh dòng sông Hương trong đêm trăng và tâm trạng đau đớn, khắc khoải của nhà thơ.

\* Khổ 3: Cảnh sương khói mông lung, huyền ảo.

- Hai câu đầu: bóng dáng người xa hiện lên mờ ảo trong cảm nhận của khách đường xa.

- Hai câu sau: Nỗi niềm thiết tha với cuộc đời của tác giả.

\* Đánh giá chung và mở rộng liên hệ

c/ **Kết bài:** Đánh giá giá trị nghệ thuật và nội dung của bài thơ, cảm nhận của bản thân về tâm trạng của tác giả.

## BÀI 11

## CHIỀU TỐI – HỒ CHÍ MINH

### PHẦN 1: KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

#### I/ Tìm hiểu chung

**1/ Tác giả:** Hồ Chí Minh không chỉ là một vị lãnh tụ kiệt xuất mà còn là một nhà văn, nhà thơ lớn của dân tộc.

#### 2/Tác phẩm

- Bài thơ “Chiều tối” là bài số 34 rút trong tập “Nhật ký trong tù”

- Cảm hứng được gợi lên trên đường chuyển lao từ Tĩnh Tây đến Thiên Bảo vào cuối thu năm 1942.

- Thể thơ tứ tuyệt, viết bằng chữ Hán.

- Bố cục: 2 phần

+ Hai câu đầu: bức tranh thiên nhiên

+ Hai câu sau: bức tranh sinh hoạt đời sống

#### II/ Tìm hiểu chi tiết:

**1/ Bức tranh thiên nhiên nơi núi rừng phương Bắc trong buổi chiều muộn (2 câu đầu)**

- Hình ảnh: cánh chim mỏi và chòm mây cô đơn -> Quen thuộc trong thơ cổ thường dùng để miêu tả thời gian về chiều.

+ Trong dáng bay của cánh chim có sự mỏi mệt, mây trôi mà cô đơn lẻ loi -> Đây chính là tình cảm nhân đạo của Hồ Chí Minh đối với cảnh vật. Người tù dường như cũng đồng cảm với cánh chim.

+ Ở hình ảnh chòm mây, phần dịch thơ chưa sát với phần phiên âm, đã làm mất đi trạng thái lẻ loi, trôi nổi, lững lờ của sự vật. Hình ảnh chòm mây trôi nhẹ nhàng còn gợi lên được phong thái ung dung tự tại trong tâm hồn của người tù - thi sĩ.

-> Hai câu thơ gợi tả cảnh thiên nhiên vắng vẻ đẹp mà buồn, ẩn sau cảnh vật là một tâm hồn nhạy cảm, yêu thiên nhiên, đồng cảm với mọi sự sống trên đời và dù trong hoàn cảnh nào cũng luôn giữ được phong thái ung dung tự tại.

**2/ Bức tranh sinh hoạt đời sống (2 câu cuối)**

- Hình ảnh trung tâm là con người đang lao động - “cô em” đây vẻ trẻ trung, khỏe khoắn.

- Phần dịch thơ bị thừa mất chữ tối, thơ Bác không hề có chữ **tối** nào cả mà người đọc vẫn nhận ra trời tối. Người dùng ánh lửa đỏ để thể hiện thời gian đồng thời mang đến cho người đi đường hơi ấm của sự sống, sự tự do.

- Trong nghệ thuật Đường thi, chữ **hồng** được xem là nhãn tự là con mắt thần. Chữ “hồng” còn là biểu hiện trong sự vận động của hình tượng thơ đi từ bóng tối ra ánh sáng. Thơ Hồ Chí Minh bao giờ cũng vậy, luôn hướng về ánh sáng.

-> **Thành công của bài thơ** chính là yếu tố cổ điển kết hợp với hiện đại, giữa tâm hồn thi sĩ và tinh thần thép của người tù cách mạng. Bài thơ đã làm người đọc xúc động trước tình cảm nhân ái bao la của người tù chiến sĩ cộng sản Hồ Chí Minh dù trong hoàn cảnh tù đầy nơi đất khách quê người nhưng Người vẫn vượt lên trên tất cả mọi sự khổ đau, đọa đày về thể xác để đưa đến cho người đọc những vần thơ tuyệt bút.

III. Tổng kết (ghi nhớ- sgk)

**PHẦN 2: LUYỆN ĐỀ**

1. **Đề bài:** Phân tích bài thơ ”*Chiều tối*” của HCM.

2. **Lập dàn ý:**

a/ **Mở bài:** Giới thiệu tác giả, bài thơ ( trích bài thơ).

b/ **Thân bài:**

\* **Đoạn dẫn** (hoàn cảnh sáng tác)

\* **Bức tranh thiên nhiên:**

Phân tích 2 hình ảnh “chim mỏi”, “cô vân” để làm nổi bật không gian bao la, tĩnh lặng, buồn vắng → gợi phong thái ung dung tự tại và tâm hồn yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống của nhà thơ.

\* **Bức tranh cuộc sống:**

Hình ảnh người lao động là tâm điểm (có sự vận động bất ngờ của tứ thơ) → gợi vẻ đẹp trong tâm hồn nhà thơ – vượt lên trên hoàn cảnh khắc nghiệt để cảm thông, chia sẻ với người lao động.

\* **Đánh giá chung và mở rộng liên hệ**

c/ **Kết bài:** Đánh giá giá trị nghệ thuật và nội dung của bài thơ, cảm nhận của bản thân về tâm trạng của tác giả.

**BÀI 12:**

**TỪ ẤY – TỐ HỮU**

**PHẦN 1: KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**I/Tìm hiểu chung**

**1/ Tác giả:**

- Tố Hữu là nhà thơ lớn của nền thơ ca hiện đại Việt Nam, là lò cò đầu của thơ ca cách mạng. Chặng đường thơ của ông gắn liền với những chặng đường cách mạng của cả dân tộc.

**2/ Tác phẩm:**

- **Từ ấy** rút trong phần “Máu lửa” của tập thơ “*Từ ấy*”

- Bài thơ ghi lại niềm vui hân hoan và những chuyển biến trong nhận thức, tình cảm của tác giả khi ông được chính thức trở thành đảng viên ĐCS.

**II/ Tìm hiểu chi tiết**

**1.Khổ 1:** *Niềm vui sướng say mê khi bắt gặp lí tưởng cộng sản.*

\* **Hai câu đầu:** Bút pháp tự sự

- “*Từ ấy*”: mốc thời gian có ý nghĩa đặc biệt quan trọng khi nhà thơ giác ngộ lí tưởng cách mạng

- Hình ảnh ẩn dụ (nắng hạ, mặt trời chân lí) + động từ mạnh “*bừng*”, “*chói*”

→ Lí tưởng CM là nắng hạ, là mặt trời rực rỡ xua tan những u ám mở ra trong trong tâm hồn nhà thơ một chân trời mới của nhận thức, tư tưởng và tình cảm.

\* **Hai câu sau:** Bút pháp trữ tình

Nghệ thuật liên tưởng, so sánh:

Hồn tôi – vườn hoa lá  $\left\{ \begin{array}{l} \text{đậm hương} \\ \text{rộn tiếng chim} \end{array} \right.$

→ Hình ảnh thơ tươi sáng diễn tả vẻ đẹp và sức sống mới của tâm hồn nhà thơ.

## TRƯỜNG THCS & THPT LÊ LỢI

⇔ Khổ thơ diễn tả niềm vui sướng, say mê của nhà thơ khi bắt gặp lí tưởng cộng sản, lí tưởng ấy đã mang lại niềm vui sống mới cho cuộc đời và sức sống mới cho thơ TH.

### 2. Khổ 2: Nhận thức mới về lẽ sống

- Nhận thức: cần quyết tâm vượt qua giới hạn của *cái tôi* cá nhân để sống chan hoà với *cái ta* chung.

- Nhiệm vụ: liên kết những con người lao khổ để tạo nên sức mạnh dân tộc.

### 3. Khổ 3: Những chuyển biến trong tình cảm

- Qua cấu trúc câu khẳng định + điệp số từ ước lệ “vạn” → Nhấn mạnh, khẳng định tình cảm đậm ấm, thân thiết.

- Cách gọi: “kiếp phôi pha”, “cù bất cù bơ” thể hiện tấm lòng đồng cảm, xót thương chân thành.

⇔ Nhà thơ đã tự xác định mình là thành viên của đại gia đình quần chúng lao khổ.

## III. Tổng kết (ghi nhớ- sgk)

## PHẦN 2: LUYỆN ĐỀ

**Đề 1:** Phân tích bài thơ “*Từ ấy*” của Tố Hữu.

**1/ Mở bài:** Giới thiệu tác giả, bài thơ ( trích bài thơ).

**2/ Thân bài:**

\* Đoạn dẫn

\* Khổ 1: Niềm vui sướng, say mê khi bắt gặp lí tưởng của Đảng.

\* Khổ 2: Nhận thức mới về lẽ sống.

\* Khổ 3: Sự chuyển biến sâu sắc trong tình cảm.

\* Đánh giá chung và mở rộng liên hệ

**3/ Kết bài:** Đánh giá giá trị nghệ thuật và nội dung của bài thơ, cảm nhận của bản thân về tâm trạng của tác giả.

**Đề 2:** Cảm nhận khổ thơ đầu trong bài thơ “*Từ ấy*” của nhà thơ Tố Hữu

**1/ Mở bài:**

- Giới thiệu tác giả, bài thơ

- Giới thiệu khổ thơ ( trích khổ thơ).

**2/ Thân bài:**

\* Đoạn dẫn

\* Phân tích

- Hai câu thơ đầu, bằng bút pháp tự sự, Tố Hữu không quên kể lại kỉ niệm đáng nhớ ấy của đời mình “*Từ ấy*” là niềm vui lớn, là tâm nguyện thiết tha của nhà thơ khi được giác ngộ lí tưởng cộng sản. Để thể hiện niềm vui ấy, tác giả đã sử dụng một loạt hình ảnh ẩn dụ (nắng hạ, mặt trời chân lí) + động từ mạnh “*bừng*”, “*chói*”.

-> Như vậy, ĐCS đã làm nhà thơ “*sáng mắt*”, “*sáng lòng*”, mở ra trong tâm hồn ông một chân trời mới của nhận thức, của tâm tư và tình cảm.

- Hai câu thơ sau, bằng bút pháp trữ tình lãng mạn nhà thơ đã cụ thể hóa niềm vui ấy bằng hình ảnh so sánh “*Hồn tôi là một vườn hoa lá*”. Như vậy, Ánh sáng của Đảng đã mang lại cho ông niềm say mê bất tận. Lí tưởng làm cho tâm hồn nhà thơ tràn đầy sức sống, thấy cuộc đời có ý nghĩa hơn. Không những thế, ánh sáng của Đảng còn khai sinh ra một hồn thơ Tố Hữu, cách mạng đã mang đến cho ông một nguồn cảm hứng sáng tạo nghệ thuật mới.

\* Đánh giá chung và mở rộng liên hệ

**3/ Kết luận: (ghi nhớ sgk)**

---